

Bản án số: 964/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03/6/2022

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nhơn**

2. Bà **Lâm Thị Hoàng Oanh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Hải An** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Diễm** - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 05 tháng 5 năm 2022 và ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 542/2021/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2022/QĐST – HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim Y**, sinh năm 1973

HKTT: 67/16 B, phường H, quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: 101 Đường D, khu dân cư Đ, phường X, thị xã E, tỉnh Bình Dương.

(có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1971

Địa chỉ: 67/16 B, phường H, quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

(vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải do bà Nguyễn Thị Kim Y trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim Y và ông Huỳnh Văn T tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh vào năm 1999. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến năm 2009 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, suy nghĩ cách sống. Ông bà đã ly thân được 3 năm. Nay nhận

thấy không thể chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

- Về con chung: Bà Y và ông Huỳnh Văn T có 02 con chung tên Huỳnh Tấn P sinh ngày 31/7/1999 (đã trưởng thành) và Huỳnh Thạch An sinh ngày 04/10/2005. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Huỳnh Thạch An, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng phía bị đơn vắng mặt không lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

Về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền. Các phần còn lại Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Hội đồng xét xử: Thời gian, địa điểm mở phiên Tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn xét xử theo quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của định tại các Điều 70, 71, 72 của BLTTDS năm 2015.

Về nội dung: căn cứ những chứng cứ trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Huỳnh Văn T hiện cư ngụ tại quận Bình Thạnh, TP.HCM nên căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa Án nhân dân quận Bình Thạnh, TP.HCM.

Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Kim Y và ông Huỳnh Văn T là tranh chấp Ly hôn.

- Về thủ tục: Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa hôm nay do tất cả những người tham gia tố tụng vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyền số 01/99 do Ủy ban nhân dân phường H, quận Bình Thạnh cấp ngày 12/4/1999 thể hiện hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim Y và ông Huỳnh Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Y, Hội đồng xét xử nhận thấy: từ năm 2009, cuộc sống của ông bà đã không còn hạnh phúc nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng. Bà Y đã không còn tình cảm với ông và ông bà đã ly thân từ năm 2018 đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị ông Huỳnh Văn T, nhưng ông T đều vắng mặt không lý do. Điều này thể hiện ông T không có thiện chí hòa giải đoàn tụ gia đình, không quan tâm và thờ ơ với tình trạng hôn nhân của mình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, cùng mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của bà Y là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung Huỳnh Tấn P sinh ngày 31/7/1999 (đã trưởng thành) và Huỳnh Thạch An sinh ngày 04/10/2005. Xét yêu cầu của bà Y về việc được nuôi dưỡng con Huỳnh Thạch An, không yêu cầu ông T cấp dưỡng: Hội đồng xét xử nhận thấy: từ khi ly thân với ông T đến nay thì bà Y là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và trẻ Huỳnh Thạch An cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T không ý kiến kiến gì về việc tranh chấp nuôi con nên yêu cầu của bà Y là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức và thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim Y:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Y được ly hôn với ông Huỳnh Văn T

Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01/99 do Ủy ban nhân dân phường H, quận Bình Thạnh cấp ngày 12/4/1999 cho bà Nguyễn Thị Kim Y và ông Huỳnh Văn T hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Huỳnh Tấn P sinh ngày 31/7/1999 (đã trưởng thành) và Huỳnh Thạch An sinh ngày 04/10/2005. Giao trẻ Huỳnh Thạch An sinh ngày 04/10/2005 cho bà Y chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Do có đủ điều kiện nuôi con nên bà Y không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim Y chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0089538 ngày 08/04/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà Y đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.HCM
- VKS ND Quận Bình Thạnh.
- THA DS Quận Bình Thạnh.
- Các đương sự
- LưuVP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Ngọc Yến